



## Giảng dạy tiếng Anh tại trường UEF PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

THS NGUYỄN THỊ THANH HÀ - THS NGUYỄN QUANG TIẾN

**N**gày nay, không ai có thể phủ nhận được vai trò và tầm quan trọng của việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam trong sự nghiệp phát triển đất nước theo hướng hội nhập với thế giới. Trong bối cảnh này, việc dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF) cũng không nằm ngoài định hướng giúp sinh viên phát triển nội lực, khả năng giao tiếp và hội nhập với môi trường quốc tế.

Bài viết này nhằm mang đến cho người đọc một cái nhìn tổng quan về việc dạy và học tiếng Anh tại trường UEF trong suốt ba năm vừa qua trong mối liên hệ với các mô hình giảng dạy tiếng Anh của thế giới để từ đó xác định được việc dạy và học tiếng Anh của UEF đang ở đâu trong bối cảnh chung và có thể đưa ra các cải cách, thay đổi, hay phát triển mọi khía cạnh của việc dạy và học tiếng Anh ở UEF để ngày càng hoàn thiện hơn.

Bài viết này được chia làm hai

phần: (1) các mô hình dạy và học tiếng Anh trên thế giới; và (2) mô hình giảng dạy tiếng Anh của UEF trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh trên thế giới.

### Mô hình giảng dạy tiếng Anh trên thế giới

#### 1. Hai trường phái giảng dạy tiếng Anh

Hiện nay, một số nhà ngôn ngữ và nghiên cứu về lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh có tên tuổi trên thế giới phân biệt hai trường phái giảng dạy tiếng Anh: trường phái thứ nhất bắt nguồn từ Anh, Úc, New Zealand, và Bắc Mỹ (được gọi tắt là các nước BANA – Britain, Australasia, và North America); trường phái thứ hai ở các nước còn lại trên thế giới nơi tiếng Anh được dạy ở bậc tiểu học, trung học, và đại học (được gọi tắt là các nước TESEP – tertiary, secondary, primary). Mỗi trường phái đều có đặc điểm riêng của mình (Bảng 1), và chính những đặc điểm riêng này ảnh hưởng không

nhỏ đến nhận thức về việc dạy và học tiếng Anh của mỗi trường học theo trường phái tương ứng.

Ở những nước theo mô hình của TESEP, tiếng Anh được dạy như một phần của chương trình học trong nhà trường, và chương trình học này bị giới hạn và lệ thuộc vào các yếu tố của bối cảnh giáo dục nói chung và nhà trường nói riêng, chẳng hạn như số giờ học trong chương trình, thời khóa biểu, số lượng sinh viên trong một lớp, bàn ghế, trang thiết bị, và những nhân tố cản trở khác ảnh hưởng đến từng cách dạy của giáo viên. Chính vì điều này, việc giảng dạy của giáo viên dạy tiếng Anh không những phải dựa theo nhu cầu học tiếng của học viên, mà còn phải nương theo điều lệ chung hay bối cảnh giảng dạy chung do nhà trường đưa ra. Một ví dụ cụ thể là trong trường hợp lớp học quá đông, giáo viên khó có thể cho sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm một cách hiệu quả, và tình hình này khó

có thể thay đổi bởi vì bối cảnh của lớp học hầu như được nhà trường ấn định dựa trên những nguyên tắc, điều lệ, hay giá trị do các cơ quan cấp quốc gia đưa ra (cấp quốc gia ở đây có thể hiểu như là Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Do phải lệ thuộc vào các nguyên tắc, điều lệ, hay giá trị do các cơ quan cấp quốc gia đưa ra, nhà trường không thể thay đổi được gì để thích ứng với nhu cầu học của sinh viên và cách dạy của giáo viên, và chính điều này đã kéo theo nhiều hệ lụy khác. Ví dụ như, do lớp học quá đông, giáo viên gặp rất nhiều khó khăn để cho sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, do vậy để đối phó với tình hình này, giáo viên áp dụng cách dạy truyền thống, đó là lấy giáo viên làm trung tâm. Khi đó cách dạy học đọc chép hay “truyền kiến thức từ thầy sang trò” (transmission methodology) rất có thể xảy ra. Như vậy, dạy học theo phương pháp giao tiếp không thể thực hiện được. Nhìn lại vấn đề này một cách khách quan, chúng ta có thể thấy được lý do tại sao giáo viên không thể áp dụng phương

pháp dạy học giao tiếp được: đó không phải giáo viên không có năng lực dạy phương pháp giao tiếp, mà chính cách quản lý kém hiệu quả của hệ thống đã đưa đến những tình huống lớp học làm cho giáo viên gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý lớp và trong cách áp dụng phương pháp dạy cho phù hợp.

Trong khi những đặc điểm vừa nêu trên phổ biến tại các trường công ở các nước TESEP, thì tại các trường tư thục ở các nước BANA, tồn tại những đặc điểm hầu như hoàn toàn trái ngược. Ví dụ như, ở các nước BANA và ở các nước khác trên thế giới, giáo viên được tự do, và linh hoạt phát triển hay thay đổi phương pháp dạy học mà họ cho là phù hợp với nhu cầu của người học với sự hỗ trợ hết mức của các điều kiện về lớp học. Trong khi ở các nước TESEP, việc cho sinh viên làm việc theo cặp hoặc theo nhóm gặp rất nhiều khó khăn do số sinh viên quá đông, thì ở các nước BANA, việc quản lý các lớp học nhỏ (là lớp học 15 sinh viên hoặc ít hơn) rất hiệu quả: từng cá

nhân sinh viên đến lớp học theo hình thức cặp hay nhóm và cùng thực tập với nhau. Do vậy, khác với cách dạy học lấy giáo viên làm trung tâm ở các nước TESEP, thì cách dạy học ở các trường tư thục ở các nước BANA lấy sinh viên làm trung tâm: trong lớp học, vai trò chủ yếu của giáo viên là quản lý lớp học, và giáo viên ở trong lớp học là để lắng nghe sinh viên nói gì và đọc những gì sinh viên viết, và chỉ sửa sai khi cần thiết. Ngoài ra, giáo viên sử dụng kỹ thuật công nghệ cao nhằm cung cấp cho sinh viên sản phẩm giáo dục có chất lượng. Nói tóm lại, việc giảng dạy tiếng Anh ở các nước BANA và ở các nước TESEP hoàn toàn khác nhau,

### 2. Văn hóa hàn lâm

Có hai loại văn hóa hàn lâm (Bernstein, 1971, được trích bởi Holliday, 1994): (1) văn hóa tập thể (collectionist) và (2) văn hóa tích hợp (Integrationist) (Bảng 2). Hai văn hóa này thích ứng với hai mô hình giảng dạy tiếng Anh ở TESEP và ở BANA.

Ở các nền văn hóa tập thể phổ

**Bảng 1. Hai trường phái giảng dạy tiếng Anh trên thế giới**

(Lập bảng và tóm tắt ý của Holliday, 1994)

TESEP	BANA
Tiếng Anh được dạy theo kiểu truyền thống, đó là theo cấu trúc tuần tự các bài học, và tiếng Anh được dạy như một phần của chương trình học trong các trường công lập.	Mô hình BANA phát triển ở các trường dạy tiếng tư thục. Ở những trường này, giáo viên được tự do đưa ra và áp dụng các phương pháp dạy học sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế của người học.
Các yếu tố liên quan đến giáo dục và liên quan đến môi trường học chẳng hạn như khối lượng thời gian, thời khóa biểu, số lượng sinh viên trong lớp, bàn ghế, trang thiết bị, v.v. đều ảnh hưởng đến từng cách dạy học của mỗi giáo viên đứng lớp.	Phương pháp dạy linh động, có thể thay đổi để phù hợp với nhu cầu của người học, và được các điều kiện tốt và trang thiết bị lớp học hỗ trợ.
Những nhân tố vừa nêu trên kéo theo các nhân tố khác như: + Khó có thể cho người học làm việc theo cặp hoặc theo nhóm. + Không thể dạy tiếng Anh theo phương pháp mới nhất – phương pháp giao tiếp.. + Cách dạy học “lấy giáo viên làm trung tâm” vẫn còn tiếp diễn.	Làm việc theo cặp và theo nhóm là cách học hiệu quả trong những lớp học có số SV khoảng 15 hoặc ít hơn. + Học qua thực hành + Lấy sinh viên làm trung tâm
Thật khó để thay đổi các tình huống này vì bối cảnh của lớp học đã được nhà trường ấn định.	Bối cảnh của lớp học dựa trên việc học của từng người học nhằm tạo điều kiện để người học có thể thực hành.

biến ở các nước theo khối TESEP, cơ cấu tổ chức các khoa được tổ chức theo cách phân tầng. Giáo viên ngoại ngữ có thể bị trói buộc trong những cấu trúc khép kín này. Thành viên trong cơ cấu này thường rất bảo thủ, và hài lòng với cơ chế tổ chức mang đậm tính tôn ti này. Ở trong lớp học tiếng Anh, văn hóa này được thể hiện qua cách phân bổ quyền lực giữa thầy và trò, và phương pháp dạy cũng

với việc giảng dạy tiếng Anh, giáo viên đứng lớp thường không muốn đồng nghiệp hoặc những người có liên quan biết được những gì xảy ra trong lớp của họ. Việc quan sát lớp học và việc thảo luận giữa đồng nghiệp hay với các người có liên quan bên ngoài tổ chức không được khuyến khích. Lúc này, nhà trường được quản lý hay điều hành bởi một số ít người hay một nhóm người, và quyền lực tập trung vào

nhấn mạnh không phải là truyền kiến thức từ thầy sang trò, mà là học qua hành, qua thực tập, và qua việc phát triển các kỹ năng để giúp sinh viên tự mình tìm ra kiến thức cho mình. Vì thế, vai trò của giáo viên ở đây không còn là thuyết giảng hay truyền kiến thức cho sinh viên, mà là quản lý lớp học để đáp ứng nhu cầu của người học và để phát triển nhận thức của sinh viên. Và như thế, phương pháp

**Bảng 2. Văn hóa “tập thể” và “tích hợp” (lập bảng dựa trên ý của Holliday, 1994, trang 72)**

Văn hóa “tập thể”	Văn hóa “tích hợp”
Cấu trúc tổ chức các khoa theo cấp bậc, tôn ti. (Bản chất công việc theo quan hệ dọc.) + Bảo thủ, cứng nhắc + Lý thuyết hơn thực hành, nặng về nội dung + Tập trung vào kiến thức của vấn đề + P/P lấy giáo viên làm trung tâm	Bản chất công việc theo quan hệ chiều ngang. + Dân chủ + Linh động + P/P dạy theo khuynh hướng tự khám phá + Tập trung vào thực hành, phát triển các kỹ năng để người học tự khám phá kiến thức. + P/P dạy lấy người học làm trung tâm
Những gì xảy ra trong lớp người bên ngoài không được phép biết được.	Những gì xảy ra trong lớp được đồng nghiệp quan sát, thảo luận và cộng tác giảng dạy. P/P dạy và học theo nhóm cộng tác với nhau.
Quyền quản lý nhà trường nằm trong tay một số ít người.	Nhà trường được quản lý một cách dân chủ.

chịu ảnh hưởng: Ví dụ như phương pháp dạy chủ yếu là thuyết giảng, truyền kiến thức. Vai trò của giáo viên chủ yếu là trình bày vấn đề cho sinh viên hơn là quản lý việc học của sinh viên. Nói khác đi, phương pháp này là truyền kiến thức cho sinh viên hơn là để sinh viên tự khám phá và tìm ra kiến thức cho mình, và một phương pháp nặng về nội dung bài giảng: điểm nhấn mạnh là kiến thức của môn học. Cách này chính là cách lấy giáo viên làm trung tâm.

Chính vì cơ chế phân cấp, tôn ti theo Khoa mà sự cứng nhắc trong cách quản lý hệ thống là điều khó tránh khỏi. Bất kỳ sự thay đổi nào cũng khó có thể thực hiện được bởi nó có khả năng đe dọa cấu trúc quản lý đang hiện hữu. Liên hệ

trong tay những người đó.

Trái lại với nền văn hóa theo chiều dọc ở các nước theo khối TESEP, thì nền văn hóa và giáo dục tích hợp phổ biến ở các nước theo khối BANA có các liên hệ trong công việc theo hướng chiều ngang: việc điều hành nhà trường theo hướng dân chủ. Giáo viên hoàn toàn tự do, linh động trong việc giảng dạy sao cho phù hợp với nhu cầu chính xác của người học. Trong khi ở những nền văn hóa “tập thể” mang đậm nét “truyền kiến thức”, “đọc – chép”, và chủ yếu theo cách dạy dựa trên nội dung giảng dạy, thì ở những nền văn hóa của BANA, phương pháp dạy và học theo khuynh hướng tự khám phá: sinh viên chịu trách nhiệm về việc học của mình; điểm

dạy của giáo viên sẽ lấy người học làm trung tâm. Lúc đó, kiến thức chuyên môn ở bậc chuyên gia của giáo viên được dày công khổ cực tích lũy sẽ không còn là nguồn kiến thức duy nhất cho sinh viên nữa. Do vậy, thay đổi dễ dàng được thực hiện ở những nước có nền văn hóa như thế này. Do bản chất của sự dân chủ, mà tính đồng đội có thể tồn tại trong việc dạy và học và đồng nghiệp có thể quan sát lớp học của đồng nghiệp khác và có những cuộc thảo luận, có những cộng tác sau đó.

**Mô hình giảng dạy tiếng Anh ở UEF: TESEP hay BANA?**

UEF ngay từ khi thành lập đã xác định hướng đào tạo chất lượng cao để có thể cung cấp cho xã hội

nguồn nhân lực có khả năng hội nhập được với môi trường kinh doanh luôn thay đổi không ngừng, và mang tính cạnh tranh cao. Đặt ra cho mình sứ mạng như vậy, nhà trường đã rất thấu hiểu vai trò tiếng Anh trong chương trình cử nhân kinh tế. Đó là môn học này cần giúp trang bị cho người học công cụ giao tiếp hiệu quả trong cả hai lĩnh vực: học thuật và môi trường kinh doanh quốc tế. Mục tiêu này phản ánh quyết tâm phát triển và hội nhập của UEF.

## Linh hoạt và lấy người học làm trung tâm để phát triển

Theo qui định trong Khung chương trình của Bộ GD&ĐT cho khối ngành kinh tế, môn tiếng Anh chỉ được phân bổ 10 tín chỉ, tương đương 150 tiết học trên lớp trong khi năng lực tiếng Anh đầu vào đối với phân nửa sinh viên thuộc phần lớn các trường kinh tế (không tính Đại học Ngoại thương) chỉ là sơ cấp sau bảy năm học phổ thông (Khảo sát đầu vào tại ĐHKT TP.HCM năm 2008, 2009). Đối với UEF, tình hình đầu vào tiếng Anh của sinh viên cũng không khác bức tranh trên. Vậy nếu UEF không có những chính sách linh hoạt giúp tổ chức giảng dạy ngoại ngữ hợp lý với quan điểm chủ đạo lấy người học làm trung tâm và tạo điều kiện tối đa nâng cao vai trò chủ động của người học thì mục tiêu trên khó có thể trở thành hiện thực. Thực tế, lãnh đạo trường đã quan tâm thích đáng đến đặc thù riêng của mảng đào tạo này và triệt để với quan điểm trên và vì mục đích chung – phát triển.

Chủ trương lấy người học làm trung tâm của UEF được thể hiện ở chỗ nhà trường quán triệt tổ chức các lớp học tiếng Anh theo trình độ đầu vào thay vì theo ngành học. Sinh viên được học theo đúng trình độ tiếng Anh của mình trong lộ trình học gồm bốn cấp độ từ tiền sơ cấp đến trung cấp sau khi có kết quả kiểm tra trình độ đầu vào. Tiếp đến, Ban giám hiệu cũng đã ưu tiên bố trí thời lượng đủ đến mức có thể để đảm bảo cho lộ trình đào tạo bốn trình độ phù hợp tối thiểu với mô hình chuẩn của Khung trình độ chung châu Âu (CEFR) về thời lượng và tỷ lệ thời lượng đối với các mức trình độ. Bảng 3 dưới đây

**Bảng 3: So sánh thời lượng chuẩn của CEFR và thời lượng áp dụng tại UEF**

Bậc/trình độ theo khung CEFR	Thời lượng chuẩn CEFR (tối thiểu/tối đa)		Thời lượng hiện áp dụng tại UEF (50ph/tiết học)
B1+ (trung cấp)	250 giờ	300 giờ	240 tiết
B1 (tiền trung cấp)	350 giờ	400 giờ	360 tiết
A2 (sơ cấp)	180 giờ	200 giờ	120 tiết
A1 (tiền sơ cấp)	90 giờ	100 giờ	120 tiết
<b>Tổng</b>	<b>780 giờ</b>	<b>900 giờ</b>	<b>720 tiết</b>

cho thấy rõ cố gắng của nhà trường với quan điểm trong đào tạo là lấy sinh viên làm trung tâm.

Lộ trình học với bốn trình độ (Hình 1) có thể linh hoạt nếu sinh viên thỏa mãn được điều kiện được xét học vượt hay rút ngắn thời gian học tiếng Anh dựa trên kết quả thi IELTS nội bộ, dự định tổ chức định kỳ hàng năm vào kỳ hè tại trường.

Ngoài ra, UEF luôn linh hoạt để thích ứng với nhu cầu học của sinh viên dựa trên thông tin phản hồi từ sinh viên thông qua hai kỳ khảo sát định kỳ trong mỗi học kỳ, và các kỳ phỏng vấn, hay các cuộc gặp gỡ với các lớp trưởng do Bộ môn ngoại ngữ (BMNN) chủ động tổ chức nhằm sâu sát tình hình dạy và học. Tập thể giảng viên luôn coi

ý kiến của sinh viên là quan trọng, cần thiết và là cơ sở cho những cải tiến về nội dung giáo trình, và phương pháp giảng dạy. Hơn nữa, các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của BMNN cũng hướng tới xem xét và tìm giải pháp trong dạy và học nhằm tối đa đáp ứng nhu cầu của người học và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ tại UEF.

Chính sách lấy sinh viên làm trung tâm còn thể hiện qua thực tế là sinh viên được thực hành tiếng Anh theo cặp và nhóm trong lớp. Thời gian trong lớp chủ yếu dành cho sinh viên thảo luận, thực tập tiếng Anh trong khi vai trò chủ yếu

của giảng viên trong lớp là quản lý lớp học, hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ năng cần thiết để tự mình tìm ra kiến thức. Phương pháp này giúp hình thành kỹ năng học mang tính bền vững.

Nguồn lực phục vụ cho quá trình đào tạo cũng đã được quan tâm đáng kể tại UEF. Các lớp ngoại ngữ có tối đa là 20 sinh viên với thiết bị dạy học tiên tiến như máy chiếu, màn chiếu, máy vi tính, hệ thống âm thanh, bảng viết bút lông, phòng máy lạnh, hệ thống chiếu sáng đầy đủ, phòng cách âm, và hệ thống wifi Internet.

Nỗ lực đáng kể nữa là việc nhà trường coi trọng vai trò chủ động, ý thức tự chủ trong học tập của mỗi sinh viên. Cụ thể, nhà trường

đã quyết định triển khai phần mềm thực hành tiếng Anh DynEd như là một công cụ tự học, giúp sinh viên trau dồi kỹ năng nghe nói ngoài giờ chính khóa. Thêm vào đó, việc giới thiệu và cung cấp tài liệu tự học trên mạng nội bộ cũng là biện pháp khuyến khích sinh viên chủ động học và hành.

Về phân quyền quản lý, nhà trường đã giao cho BMNN toàn quyền thiết kế chương trình, giáo trình, chọn lựa phương pháp giảng dạy, tuyển chọn giảng viên đủ năng lực. Chính vì điều này mà giảng viên tiếng Anh của trường có những điều kiện thuận lợi để phát huy sáng kiến, thực hiện cải tiến, đổi mới trong giảng dạy, và tích cực triển khai phương pháp giao tiếp trong giảng dạy ngoại ngữ.

Tính dân chủ trong quản lý ở BMNN hiện nay là yếu tố quan trọng thúc đẩy và phát triển hoạt động chuyên môn, tạo môi trường

làm việc thân thiện giúp hướng đến thực hiện mục tiêu đào tạo chung của nhà trường. Điều này thể hiện ở chỗ mọi giảng viên trong BMNN đều có tiếng nói và đều được lắng nghe. Mọi người đều có quyền đóng góp cho chương trình đào tạo, và những vấn đề liên quan khác. Nhờ vậy, những sinh hoạt không chính thức của giảng viên như chủ động quan sát giờ dạy của đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức mới hay cập nhật tài liệu mới cho nhau nay đã trở thành thói quen không thể thiếu được và luôn diễn ra với tinh thần xây dựng, phát triển mang tính chuyên nghiệp của tập thể BMNN.

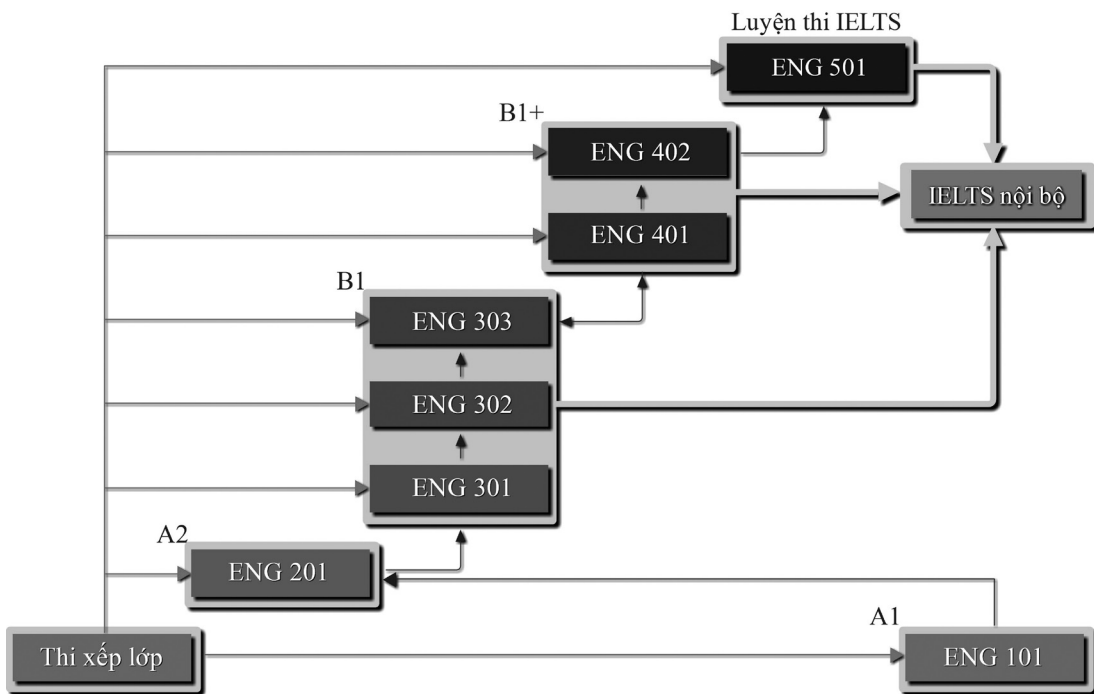
**Chiến lược trong mô hình đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra để hội nhập**

Với kỳ vọng sinh viên UEF khi tốt nghiệp vừa có thể làm việc, giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh quốc tế, vừa có

thể nắm bắt được cơ hội chuyển tiếp sang các nước nói tiếng Anh để học sau đại học, chương trình môn học tiếng Anh đã được xây dựng và thiết kế với hai quan điểm chính: chiến lược trong mô hình đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra để hội nhập.

Trước hết, chiến lược trong giảng dạy tiếng Anh là trang bị kỹ năng học ngoại ngữ bền vững; nắm chắc phương pháp và chiến thuật. Hay nói cách khác, môn học giúp sinh viên có khả năng tự học, tự trau dồi để đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu thay vì hoàn toàn trông đợi vào những giờ học chính khóa. Muốn vậy, BMNN đã ứng dụng thành tựu mang tính đột phá và vĩ mô trong lĩnh vực xây dựng chương trình, giáo trình và kiểm tra đánh giá trong dạy/học ngôn ngữ (Khung trình độ chung châu Âu - CEFR, 1989-1996). Có ba thành tựu chính được ứng dụng trong

**Hình 1: Chương trình đào tạo tiếng Anh tại ĐH KT-TC với lộ trình chuẩn đầu ra quốc tế (07/2010)**



thiết kế Khung chương trình môn tiếng Anh. Đó là (i) khung quy chiếu tổng quát với những mô tả chi tiết về năng lực ngôn ngữ đối với mỗi trình độ; (ii) cách phân bố thời lượng cho từng mức độ (Bảng 3) và (iii) vai trò tự chủ của người học trong quá trình trau dồi ngôn ngữ thông qua hoạt động chủ động tự học và tự đánh giá. Hình 1 chỉ rõ cấu trúc chương trình, tính nhất quán và mức tăng trưởng dự kiến về kiến thức kỹ năng sử dụng ngôn ngữ từ trình độ tiền sơ cấp (A1) đến trung cấp (B1+).

Bảng mô tả năng lực cần đạt được đối với mỗi cấp độ theo thang chia tổng quát (General scale) của CEFR (2001) đã là cơ sở cho việc lựa chọn giáo trình, tài liệu học tập, tiêu chí kiểm tra đánh giá quá trình và thi hết học phần. Trong kế hoạch giảng dạy đối với mỗi học phần, việc luyện tập các chiến thuật (strategies) thực hành bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) trên lớp luôn được bố trí mức thời gian xứng đáng song song với việc triển khai chương trình tự học có hướng dẫn cho sinh viên ngoài giờ học chính quy. Tài liệu tự học (được chọn lọc và cung cấp qua mạng) và phần mềm rèn luyện lưu loát trong nghe nói (DynEd) là cơ hội giúp sinh viên thực hành các phương pháp và chiến thuật được học trên lớp.

Mô hình kết hợp hai hình thức – học trên lớp và tự học tiếng Anh ngoài giờ chính quy cùng với việc tính thành tích quá trình tự học với tỷ lệ là 30% phản ánh rõ chiến lược phát triển kỹ năng học ngôn ngữ suốt đời, và thúc đẩy khuyến khích tính chủ động trong học tập, phấn đấu đạt mục tiêu đầu ra của mỗi sinh viên. Về nội dung chương trình, mô hình đào tạo gắn kết hai mục tiêu sử dụng tiếng Anh - giao



tiếp hàn lâm và giao tiếp kinh doanh có chú trọng đặc biệt đến chiến thuật và lưu loát trong giao tiếp.

Kết hợp trau dồi kiến thức kỹ năng với luyện thi chứng chỉ quốc tế như IELTS từ trình độ tiền trung cấp (B1) là chiến lược dần dần giúp sinh viên hội nhập với chuẩn tiếng Anh quốc tế. Bằng cách phổ biến và vận dụng các tiêu chí đánh giá năng lực tiếng Anh theo chứng chỉ IELTS trong quá trình tiếp xúc, luyện tập các bài thi thử IELTS định kỳ, việc học tiếng Anh tại UEF thực sự hướng tới đảm bảo chất lượng đào tạo ngoại ngữ để hội nhập.

Nhờ thấu hiểu rõ chất lượng đào tạo liên quan chặt chẽ với hệ thống các tiêu chí và công cụ kiểm tra đánh giá tin cậy và có giá trị nên UEF đã chọn chứng chỉ quốc tế làm thước đo đầu ra về năng lực ngoại ngữ. Trước mắt, yêu cầu đối với sinh viên khi tốt nghiệp là 5.0 IELTS hoặc 61 TOEFL iBT. Biểu đồ 1 cho thấy rõ chương trình tiếng Anh thực sự là thành tố quan trọng trong lộ trình phấn đấu đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

### Kết luận

Bài viết này trình bày hai mô hình giảng dạy tiếng Anh ở hai

khối nước TESEP và BANA. Kế đến, bài viết này trình bày việc dạy và học tiếng Anh hiện tại ở trường UEF. Việc nhìn lại hai mô hình giảng dạy tiếng Anh ở hai khối TESEP và BANA giúp người đọc định vị được việc dạy và học tiếng Anh của trường ĐH Kinh tế - Tài chính (UEF) trong bối cảnh chung của Việt Nam và của thế giới. Tập thể giảng viên BMNN kỳ vọng những chiến lược trên trong mô hình đào tạo này của UEF sẽ tạo ra kết quả mong đợi trong tương lai. Tuy nhiên, để có cái nhìn khái quát về giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam nói chung và ở UEF nói riêng trong bối cảnh chung của thế giới, cần phải có thêm nhiều nghiên cứu trên mạng diện rộng, và cần được sự hỗ trợ từ phía nhà trường cũng như sinh viên trong công tác nghiên cứu. ●

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernstein, B. (1971). *On the classification and framing of educational knowledge*. In M.F.D. Young (Ed.), *Knowledge and Control*, 47 – 69. London: Collier Macmillan.
2. Holliday, A. (1994). *The house of TESEP and the communicative approach: the special needs of state English language education*. *ELT Journal* 48 (1).